

NGHỊ ĐỊNH
CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 88/2007/NĐ-CP NGÀY 28 THÁNG 5 NĂM 2007
VỀ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 01 tháng 6 năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động thoát nước tại khu vực đô thị và các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp); quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước trên lãnh thổ Việt Nam. Đối với các khu dân cư tập trung nông thôn có điều kiện xây dựng hệ thống thoát nước tập trung thì khuyến khích áp dụng Nghị định này.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước trên lãnh thổ Việt Nam .

3. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động thoát nước là các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực thoát nước, bao gồm: quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước.

2. Dịch vụ thoát nước là hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải của các đối tượng có nhu cầu thoát nước theo các quy định của pháp luật.

3. Phí thoát nước là phí bảo vệ môi trường đối với nước thải áp dụng cho khu vực đô thị và khu công nghiệp có hệ thống thoát nước tập trung; phí thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định

sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp nhằm từng bước bảo đảm duy trì và phát triển dịch vụ thoát nước trên địa bàn.

4. Đơn vị thoát nước là tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

5. Hệ thoát nước bao gồm các hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước.

6. Hệ thoát nước đơn lẻ là hệ thoát nước xả nước mưa, nước thải trực tiếp ra môi trường.

7. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

8. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân.

9. Nước thải khác là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

10. Hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hoà, các công trình đầu mối (trạm bơm, nhà máy xử lý, cửa xả) và phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, vận chuyển, tiêu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó tất cả mọi loại nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống.

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt;

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

11. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hoà, các công trình đầu mối (trạm bơm, cửa xả...) và phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.

12. Hệ thống thoát nước thải bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hoà, các công trình đầu mối (trạm bơm, nhà máy xử lý, cửa xả...) và phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.

13. Cống bao là tuyến cống chính có các giằng tách nước thải để thu gom toàn bộ nước thải khi không có mưa và một phần nước thải đã được hoà trộn khi có mưa trong hệ thống thoát nước chung từ các lưu vực khác nhau và vận chuyển đến trạm bơm hoặc nhà máy xử lý nước thải.

14. Hệ thống hồ điều hoà bao gồm các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo để tiếp nhận nước, điều hoà khả năng tiêu thoát nước cho hệ thống thoát nước.

15. Điểm đầu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

16. Điểm xả là nơi xả nước ra môi trường của hệ thống thoát nước hoặc các hộ thoát nước đơn lẻ.

17. Lưu vực thoát nước là một khu vực nhất định mà nước mưa hoặc nước thải được thu gom, vận chuyển đưa về một hoặc một số điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

18. Nguồn tiếp nhận là một bộ phận của môi trường bao gồm: các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như ao, hồ, sông, suối, kênh mương, nước ngầm, biển.

19. COD là nhu cầu ô xy cần thiết để ô xy hoá các chất hoá học có trong nước.

Điều 3. Chính sách đầu tư phát triển thoát nước

1. Dịch vụ thoát nước là loại hình hoạt động công ích, được Nhà nước quan tâm, ưu tiên đầu tư nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ bảo đảm phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển, quản lý hoạt động thoát nước.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động thoát nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên lãnh thổ Việt Nam ; ban hành và chỉ đạo thực hiện các chiến lược, định hướng phát triển thoát nước ở cấp quốc gia.

2. Bộ Xây dựng: chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước tại đô thị và các khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc:

a) Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về thoát nước trình Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền;

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển thoát nước ở cấp quốc gia;

c) Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về thoát nước;

d) Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động thoát nước trên phạm vi toàn quốc

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; cấp, thu hồi giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Bảo đảm cân đối nhu cầu vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo các chương trình, kế hoạch phát triển thoát nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư cho các công trình thoát nước;

c) Làm đầu mối vận động nguồn vốn ODA cho đầu tư phát triển thoát nước theo thứ tự ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển thoát nước;

b) Thống nhất quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước;

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng phí thoát nước trên phạm vi toàn quốc.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng để thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn do mình quản lý; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động thoát nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp do mình quản lý. Sở Xây dựng các tỉnh và Sở Giao thông công chính các thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước trên địa bàn.

9. Ủy ban nhân dân các đô thị có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và tổ chức thực hiện các dịch vụ thoát nước trên địa bàn quản lý phù hợp với sự phát triển của cộng đồng và tham gia vào quy hoạch chung của vùng về thoát nước, lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành, ký kết hợp đồng và tổ chức giám sát thực hiện.

Điều 5. Nguyên tắc kết hợp công trình thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác

1. Các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi,...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp có liên quan và được cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước ở địa phương xem xét, thống nhất bằng văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp thì chủ đầu tư phải có phương án bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan theo quy hoạch.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước tại địa phương, đơn vị thoát nước được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có quyền và nghĩa vụ tham gia giám sát quá trình xây dựng các hạng mục công trình thoát nước của các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan. Đơn vị thoát nước có quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước nếu chất lượng xây dựng không bảo đảm theo quy định.

Điều 6. Các quy định về quy chuẩn nước thải

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, từ các hộ thoát nước đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các quy chuẩn môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn nước thải xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Nước thải từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp phải bảo đảm các quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

Điều 7. Quản lý hệ thống các điểm xả ra môi trường

1. Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc thiết kế và xây dựng các điểm xả phải bảo đảm chống xâm nhập ngược từ nguồn tiếp nhận và ngập úng đô thị.

3. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý thống nhất theo lưu vực. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp, đầu mối quản lý thống nhất các điểm xả, giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hệ thoát nước đơn lẻ trên địa bàn tỉnh theo từng lưu vực nguồn tiếp nhận và phối hợp với các địa phương liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực có phạm vi vùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8. Quản lý cao độ có liên quan đến thoát nước

1. Quản lý cao độ nền đô thị:

a) Cao độ nền đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng theo hệ cao độ chuẩn quốc gia phải bảo đảm yêu cầu tiêu thoát nước mưa, nước thải và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan quản lý về quy hoạch xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm quản lý và cung cấp các thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

c) Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ cao độ nền đô thị đã được cung cấp;

d) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng các cấp có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp giữa cao độ thiết kế công trình xây dựng và cao độ nền đô thị.

2. Quản lý cao độ của hệ thống thoát nước:

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm:

a) Xác định và quản lý cao độ mực nước các hồ điều hoà, kênh mương thoát nước nhằm bảo đảm tối đa khả năng tiêu thoát, điều hoà nước mưa, chống úng ngập và bảo vệ môi trường;

b) Quản lý cao độ các tuyến cống chính và cống thu gom nước thải, nước mưa;

c) Cung cấp cao độ của hệ thống thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các sông, hồ, kênh mương có liên quan đến việc thoát nước đô thị có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ nhằm thoát nước, chống ngập úng đô thị.

Điều 9. Sự tham gia của cộng đồng

1. Thực hiện chức năng giám sát về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

Điều 10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thoát nước

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị thoát nước trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục và hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình thoát nước và chấp hành các quy định của pháp luật về thoát nước.

2. Các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước.

Điều 11. Các hành vi bị cấm

1. Phá hoại các công trình của hệ thống thoát nước.
2. Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thoát nước.
3. Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động thoát nước.
4. Không tuân thủ các quy định về cao độ nền xây dựng khi tiến hành xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng trong đô thị.
5. Xả nước mưa, nước thải không bảo đảm quy chuẩn chất lượng nước thải xả vào hệ thống thoát nước, nguồn tiếp nhận.
6. Xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước.
7. Pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất.
8. Đầu nối tùy tiện hoặc không theo đúng thỏa thuận với hệ thống thoát nước.
9. Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước.
10. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước.
11. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về thoát nước.

Chương II QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC

Điều 12. Quy định chung về quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước được lập, phê duyệt làm cơ sở cho các hoạt động thoát nước tiếp theo. Mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thoát nước phải tuân theo quy hoạch thoát nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Khi lập quy hoạch xây dựng phải tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch thoát nước như một bộ phận không tách rời của đồ án quy hoạch xây dựng và tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.
3. Đối với các khu công nghiệp, đô thị mới hình thành phải quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng. Đối với các đô thị đã có hệ thống thoát nước, khu đô thị mới thì tùy điều kiện cụ thể của từng đô thị để nghiên cứu tổ chức quy hoạch hệ thống thoát nước chung, riêng hoặc nửa riêng.

4. Trong trường hợp sau đây quy hoạch thoát nước phải được tổ chức lập như một đồ án quy hoạch riêng:

a) Quy hoạch thoát nước vùng: cho một nhóm các đô thị, khu công nghiệp trong một tỉnh hoặc liên tỉnh có vị trí địa lý gần nhau, điều kiện tự nhiên thuận lợi về địa hình và nguồn tiếp nhận có khả năng xây dựng các công trình thoát nước chung mà chưa hoặc không tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng cho nhóm các đô thị, khu công nghiệp đó;

b) Quy hoạch thoát nước đô thị: cho các đô thị loại 2 trở lên (các đô thị khác nếu xét thấy cần thiết) nhằm cụ thể hoá các định hướng thoát nước đã được xác định trong quy hoạch chung xây dựng đô thị.

5. Quy hoạch thoát nước được lập như một đồ án quy hoạch riêng nêu tại khoản 4 Điều này phải tuân thủ các quy định từ Điều 13 đến Điều 20 Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

6. Bộ Xây dựng hướng dẫn chi phí lập quy hoạch thoát nước.

Điều 13. Giai đoạn và thời gian lập quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước được lập cho giai đoạn ngắn hạn là 10 năm, giai đoạn dài hạn là 20 năm và dài hơn.

2. Thời gian lập đồ án quy hoạch thoát nước vùng không quá 18 tháng, quy hoạch thoát nước đô thị, khu công nghiệp không quá 12 tháng, kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Nhiệm vụ lập quy hoạch thoát nước

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch thoát nước:

a) Đánh giá, dự báo phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển và bố trí dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng của khu vực nghiên cứu quy hoạch.

b) Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng cơ sở hạ tầng, dự báo diễn biến môi trường và khả năng tiêu thoát nước của các sông, hồ có liên quan;

c) Nhu cầu thoát nước bề mặt, thu gom, xử lý nước thải và tổ chức hệ thống thoát nước của khu vực nghiên cứu quy hoạch.

d) Bản vẽ sơ đồ, vị trí ranh giới, quy mô và mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000 đối với quy hoạch thoát nước vùng và 1/25.000 - 1/100.000 đối với quy hoạch thoát nước đô thị.

2. Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch thoát nước không quá 03 tháng đối với quy hoạch thoát nước vùng liên tỉnh, 02 tháng đối với quy hoạch thoát nước vùng trong một tỉnh và quy hoạch thoát nước đô thị kể từ ngày chính thức được giao nhiệm vụ.

Điều 15. Căn cứ lập quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển ngành liên quan (nếu có).

2. Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và các định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Các kết quả điều tra, khảo sát và các số liệu, tài liệu có liên quan.
4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn về thoát nước.
5. Nhiệm vụ quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt.

Điều 16. Nội dung quy hoạch thoát nước

Tuỳ theo đặc điểm, quy mô của khu vực nghiên cứu, quy hoạch thoát nước có những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực lập quy hoạch.
2. Điều tra, khảo sát và đánh giá diễn biến môi trường nước, khả năng tiêu thoát nước mưa, nước thải của các sông hồ có liên quan.
3. Xác định các lưu vực thoát nước của khu vực lập quy hoạch.
4. Xác định các chỉ tiêu, thông số cơ bản cho thoát nước bao gồm điều kiện khí tượng, thủy văn, hệ số thấm, quy chuẩn thoát nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ...
5. Xác định lưu lượng thoát nước mưa, nước thải.
6. Xác định các nguồn tiếp nhận, khả năng tiếp nhận nước mưa, nước thải.
7. Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.
8. Xác định chất lượng nước thải tại điểm đầu nối.
9. Xác định hướng, vị trí, kích thước các tuyến thoát nước chính.
10. Xác định các điểm xả, cao độ mức nước, lưu lượng xả tối đa, chất lượng nước thải tại các điểm xả.
11. Xác định vị trí, quy mô các trạm bơm nước mưa, nước thải, các nhà máy xử lý nước thải.
12. Đề xuất các biện pháp bảo tồn, tôn tạo hệ thống kênh mương, hồ có chức năng thoát nước, điều hoà và xử lý nước thải.
13. Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn, khu vực; xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, đề xuất nguồn vốn, các dự án ưu tiên.
14. Đánh giá tác động môi trường, đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường.
15. Đề xuất phương án tổ chức quản lý hệ thống thoát nước.

Điều 17. Hồ sơ đồ án quy hoạch thoát nước

Tuỳ theo đặc điểm, quy mô của khu vực nghiên cứu, hồ sơ đồ án quy hoạch thoát nước bao gồm:

1. Bản vẽ:
 - a) Bản đồ vị trí và mối liên hệ vùng:
 - Đối với quy hoạch thoát nước vùng: tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000;
 - Đối với quy hoạch thoát nước đô thị: tỷ lệ 1/25.000 - 1/100.000.
 - b) Bản đồ địa hình:

- Đối với quy hoạch thoát nước vùng: tỷ lệ 1/25.000 đến 1/250.000;
 - Đối với quy hoạch thoát nước đô thị: tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000.
 - c) Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật quy định như điểm b khoản này;
 - d) Bản đồ phân chia lưu vực thoát nước, tỷ lệ như điểm b khoản này;
 - đ) Bản đồ vị trí các trạm bơm, nhà máy xử lý, các tuyến truyền dẫn chính, tỷ lệ như điểm b khoản này.
2. Báo cáo tổng hợp gồm thuyết minh, các văn bản có giá trị pháp lý liên quan, tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch thoát nước.

Điều 18. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước

1. Trách nhiệm lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước:
- a) Bộ Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng liên tỉnh;
 - b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng, quy hoạch thoát nước đô thị trong địa giới hành chính do mình quản lý.
2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước:
- a) Đối với quy hoạch thoát nước vùng liên tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị loại đặc biệt:

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền cho Bộ Xây dựng phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng liên tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị loại đặc biệt trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

Bộ Xây dựng chủ trì thẩm định các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng liên tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị loại đặc biệt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- b) Đối với quy hoạch thoát nước vùng trong một tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị thuộc tỉnh:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng trong một tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị (trừ đô thị loại đặc biệt) thuộc địa giới hành chính do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan thẩm định và ý kiến thoả thuận của Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng các tỉnh, Sở Giao thông Công chính các thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước vùng, quy hoạch thoát nước đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 19. Quy định về quản lý quy hoạch thoát nước

Trên cơ sở nội dung bản vẽ, thuyết minh của đồ án quy hoạch thoát nước, các kiến nghị, giải pháp thực hiện quy hoạch thoát nước, người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch thoát nước ban hành Quy định về quản lý quy hoạch thoát nước. Nội dung Quy định bao gồm:

- 1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình thoát nước.
- 2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình thoát nước.

3. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch thoát nước.
4. Các quy định khác.

Điều 20. Điều chỉnh quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có sự điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển ngành có liên quan;
 - b) Có biến động lớn về điều kiện tự nhiên ngoài dự báo.
2. Thời hạn xem xét điều chỉnh quy hoạch thoát nước theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch thoát nước.
3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch thoát nước phải dựa trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình thực hiện đồ án quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt trước đó, xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh quy hoạch, phải bảo đảm tính kế thừa và chỉ điều chỉnh những nội dung thay đổi.
4. Người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch thoát nước phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch thoát nước.

Chương III **ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THOÁT NƯỚC**

Điều 21. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân các đô thị trong vùng phục vụ thoát nước của công trình thoát nước có tính chất vùng cùng tham gia sở hữu công trình thoát nước theo tỷ lệ góp vốn hoặc phân bổ vốn đầu tư thành lập cơ quan đại diện chủ sở hữu và cử người tham gia.
2. Ủy ban nhân dân các đô thị là chủ sở hữu công trình thoát nước:
 - a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
 - b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
 - c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.
3. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.
4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân các đô thị (nếu có quy định trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư).
5. Ủy ban nhân dân các cấp là chủ sở hữu các công trình thoát nước khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do mình quản lý.

Điều 22. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Chủ đầu tư công trình thoát nước có tính chất vùng được giao cho cơ quan đại diện chủ sở hữu được thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân của các đô thị là chủ đầu tư xây dựng công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý và giao cho đơn vị thoát nước quản lý thực hiện dự án; trường hợp đơn vị thoát nước không có đủ điều kiện năng lực quản lý dự án thì đơn vị thoát nước cử người tham gia Ban Quản lý dự án do chủ đầu tư thành lập hoặc tư vấn quản lý dự án được thuê thành lập.

3. Đơn vị, doanh nghiệp được giao làm chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị mới là chủ đầu tư công trình thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư.

5. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

Điều 23. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước, nâng cao độ bao phủ dịch vụ, cải thiện chất lượng dịch vụ trong vùng thoát nước.

2. Kế hoạch phát triển thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp với các địa phương liên quan.

3. Đơn vị thoát nước tổ chức lập, trình chủ sở hữu công trình thoát nước phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 24. Nguồn vốn đầu tư

1. Hệ thống thoát nước các đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với Quy hoạch thoát nước dưới mọi hình thức đầu tư. Các nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Hệ thống thoát nước của các khu công nghiệp, khu đô thị mới được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách hỗ trợ, vốn tự có, vốn huy động hợp pháp khác của đơn vị được giao làm chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị mới.

Điều 25. Phân kỳ đầu tư

1. Việc đầu tư phát triển mạng công thoát nước được xác định theo yêu cầu phát triển đô thị và dồn đầu theo dự báo quy hoạch không quá 05 năm, kể từ khi dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trừ các tuyến công được đầu tư đồng bộ cùng với các công trình giao thông.

2. Quy mô công suất các công trình đầu mối (trạm bơm, nhà máy xử lý...) được lựa chọn dồn đầu theo dự báo quy hoạch không quá 05 năm, kể từ khi dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Kích thước mương, công thoát nước chính được lựa chọn theo dự báo nhu cầu cho giai đoạn dài hạn của quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt.

Điều 26. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô tổ chức tư vấn khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thoát nước có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải của các đô thị phải thực hiện:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng nhằm đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả phí thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án;

c) Nghiên cứu, đề xuất phương án phí thoát nước, lộ trình tăng phí thoát nước, xác định khả năng chi trả chi phí quản lý, vận hành và hoàn trả vốn vay (nếu có) từ nguồn thu phí thoát nước và ngân sách địa phương để bảo đảm tính bền vững của công trình thoát nước được đầu tư;

d) Dự thảo nội dung Hợp đồng quản lý, vận hành hoặc các nội dung bổ sung, điều chỉnh của Hợp đồng quản lý, vận hành đã có được ký kết giữa chủ sở hữu công trình thoát nước và đơn vị thoát nước.

3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải của các đô thị loại 4 trở lên phải có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 27. Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành

1. Đối với địa bàn đã có tổ chức, cá nhân đang thực hiện dịch vụ thoát nước thì tổ chức, cá nhân đó được ưu tiên chỉ định để thực hiện hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn.

2. Đối với địa bàn chưa có đơn vị thoát nước thì việc lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc thành lập mới nếu đấu thầu không thành công.

3. Một đơn vị thoát nước có thể được lựa chọn để quản lý một hoặc nhiều lưu vực thoát nước khác nhau, mỗi lưu vực thoát nước chỉ do một đơn vị thoát nước được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành.

4. Thẩm quyền lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước: chủ sở hữu tổ chức lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 28. Hợp đồng quản lý, vận hành

1. Hợp đồng quản lý, vận hành là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành bao gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- a) Các chủ thể hợp đồng;
- b) Đối tượng hợp đồng;
- c) Phạm vi, nội dung công việc;
- d) Các yêu cầu kỹ thuật;
- đ) Giá hợp đồng, nguyên tắc điều chỉnh giá;
- e) Thanh toán, phương thức thanh toán;
- g) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.

Điều 29. Chuyển nhượng hợp đồng quản lý, vận hành

Đơn vị thoát nước được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ, quyền lợi của mình trong hợp đồng quản lý, vận hành cho bên thứ ba khi có sự thoả thuận của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 30. Xác định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành

Giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành được xác định để làm cơ sở lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành.

1. Nguyên tắc tính giá dự toán hợp đồng:

a) Giá dự toán hợp đồng được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý bảo đảm việc quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đáp ứng các quy chuẩn, quy trình quản lý, vận hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt;

b) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, đơn vị thoát nước và cộng đồng.

2. Căn cứ xác định giá dự toán hợp đồng:

- a) Phạm vi, khối lượng công việc;
- b) Quy chuẩn, quy trình quản lý, vận hành;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- d) Điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Lập, trình và phê duyệt giá dự toán hợp đồng:

Chủ sở hữu công trình thoát nước tổ chức lập giá dự toán hợp đồng (sử dụng cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc thuê tư vấn) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thẩm quyền phê duyệt giá dự toán hợp đồng:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá dự toán hợp đồng đối với các công trình thoát nước thành phố, thị xã thuộc quyền quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt giá dự toán hợp đồng đối với các công trình thoát nước thị trấn thuộc quyền quản lý.

Điều 31. Giá bán đồng quản lý, vận hành

Giá hợp đồng quản lý, vận hành là giá thoả thuận sau khi đã thương thảo giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý, vận hành công trình thoát nước được lựa chọn và bảo đảm không được vượt giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 32. Điều chỉnh giá hợp đồng quản lý, vận hành

1. Giá hợp đồng quản lý, vận hành được điều chỉnh trong những trường hợp sau đây:

- a) Có sự đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống thoát nước;
- b) Có biến động lớn về thị trường;
- c) Có thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước.

2. Đơn vị thoát nước lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá hợp đồng sau khi đã thoả thuận với chủ sở hữu công trình thoát nước. Người có thẩm quyền phê duyệt giá dự toán hợp đồng phê duyệt điều chỉnh giá hợp đồng.

Điều 33. Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng quản lý, vận hành có thời hạn ngắn nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm. Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 năm thì các bên tham gia hợp đồng phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành.

Điều 34. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng quản lý, vận hành được chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

- 1. Một trong các bên vi phạm các điều khoản cam kết của hợp đồng.
- 2. Khi hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng.
- 3. Những trường hợp bất khả kháng hoặc các lý do khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 35. Nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng

- 1. Hợp đồng quản lý, vận hành được thanh toán chi phí định kỳ theo thoả thuận.
- 2. Phương thức thanh toán do hai bên thoả thuận.
- 3. Trong trường hợp chậm thanh toán quá 15 ngày so với thời hạn được thoả thuận trong hợp đồng thì đơn vị thoát nước được hưởng lãi suất cao nhất của ngân hàng nơi mở tài khoản giao dịch tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán.
- 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu và thanh toán cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng.
- 5. Hợp đồng quản lý, vận hành được thanh toán từ nguồn thu phí thoát nước, kế hoạch ngân sách hàng năm của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 36. Nội dung quản lý hệ thống thoát nước mưa

1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa khu vực, các kênh mương thoát nước chính, hồ điều hoà nước mưa, chống úng ngập, các trạm bơm... các van ngăn triều (nếu có) đến các điểm xả ra môi trường.

2. Các tuyến cống, mương, hồ ga phải được nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nắp hồ ga, cửa thu nước mưa. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới để đề xuất phương án thay thế, sửa chữa.

3. Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

4. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

Điều 37. Nội dung quản lý hệ thống thoát nước thải

1. Quản lý hệ thống thoát nước thải bao gồm quản lý các điểm đầu nối, các tuyến cống thu gom, truyền dẫn đến nhà máy xử lý nước thải và từ nhà máy xử lý nước thải đến các điểm xả ra môi trường. Nội dung quản lý thoát nước bao gồm:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hồ ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới;

b) Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới;

c) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định;

d) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quy định tại Điều 36 và khoản 1 Điều 37 Nghị định này.

Điều 38. Nội dung quản lý hệ thống hồ điều hoà

1. Quản lý hệ thống hồ điều hoà trong hệ thống thoát nước nhằm điều hoà nước mưa, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái kết hợp làm nơi vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản.

2. Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hoà.

3. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hoà vào các mục đích khác nhau được cấp có thẩm quyền cho phép (vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch...) tuân thủ theo các quy định để bảo đảm chức năng điều hoà nước mưa và môi trường.

4. Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hoà, bảo đảm tốt nhiệm vụ điều hoà nước mưa và các yêu cầu khác.

5. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ.

6. Lập quy trình quản lý, các quy định khai thác, sử dụng hồ điều hoà.

Điều 39. Nội dung quản lý các công trình đầu mối

1. Vận hành các trạm bơm, các tuyến ống áp lực, nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả ra môi trường tuân thủ các quy trình vận hành, bảo trì đã được phê duyệt.

2. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa và kế hoạch phát triển.

Điều 40. Quản lý tài sản

Đơn vị thoát nước được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có trách nhiệm quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu:

1. Lập danh mục tài sản được giao quản lý.
2. Tổ chức bảo vệ tài sản được giao quản lý.
3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng tài sản.
4. Lập kế hoạch bảo trì công trình, thay thế và mua sắm trang thiết bị mới.

Chương V
DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 41. Điểm đầu nối

1. Đơn vị thoát nước phải thiết lập các điểm đầu nối cho hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom nước của hệ thống thoát nước. Tất cả các hệ thoát nước nằm trong khu vực có dịch vụ thoát nước được yêu cầu và có nghĩa vụ đầu nối vào mạng lưới thu gom nước của hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định tại Điều 45 Nghị định này.

2. Vị trí điểm đầu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước. Cao độ và các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối do đơn vị thoát nước quy định.

3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom đến điểm đầu nối. Hệ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước và công trình xử lý sơ bộ đến điểm đầu nối; hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công; có nghĩa vụ thông báo thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra bảo đảm đầu nối đúng quy định.

Điều 42. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng mới có hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải tập trung thì nước thải sinh hoạt từ các hệ thoát nước được phép xả thẳng vào hệ thống thu gom nước thải;

b) Đối với các đô thị đã có hệ thống thoát nước chung hoặc nửa riêng thì nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi xả vào điểm đầu nối. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn thiết kế xây dựng và vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ tại các hệ thoát nước. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm và được quyền giám sát việc xây dựng công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của các hệ thoát nước để bảo đảm việc xây dựng các công trình này là đúng quy định.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) Các hệ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn cho phép trước khi xả vào điểm đầu nối;

b) Các hệ thoát nước có trách nhiệm ký hợp đồng với một phòng thí nghiệm hợp chuẩn tiến hành định kỳ lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải trước khi xả vào điểm đầu nối hai tháng một lần. Kết quả xét nghiệm phải được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước trên địa bàn, đơn vị thoát nước và hệ thoát nước.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của các hệ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết.

Điều 43. Đầu nối hệ thống thoát nước của khu công nghiệp với hệ thống thoát nước đô thị

Trường hợp hệ thống thoát nước của khu công nghiệp được đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định của hệ thống thoát nước đô thị.

Điều 44. Thoả thuận đầu nối

Thoả thuận đầu nối là văn bản thoả thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đầu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối, thời điểm đầu nối, chất lượng, lưu lượng nước xả vào điểm đầu nối.

Điều 45. Miễn trừ đầu nối

Công trình được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước trong các trường hợp sau đây:

1. Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước.

2. Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

Điều 46. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Chủ thể hợp đồng;

b) Điểm đầu nối;

c) Khối lượng, chất lượng nước thải xả vào hệ thống;

d) Chất lượng dịch vụ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Phí thoát nước, phương thức thanh toán;

- g) Xử lý vi phạm hợp đồng;
- h) Các nội dung khác do hai bên thoả thuận.

Điều 47. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với hộ gia đình: đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong Hợp đồng quản lý, vận hành. Việc các hộ thoát nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí thoát nước hoặc tự ý thay đổi, sửa chữa hệ thống thoát nước, vi phạm các quy định về thoát nước sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật; đồng thời, đơn vị cung cấp nước sạch có nghĩa vụ ngừng cung cấp nước sạch theo yêu cầu của đơn vị thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước; đồng thời, đơn vị cung cấp nước sạch có nghĩa vụ ngừng cung cấp nước sạch theo yêu cầu của đơn vị thoát nước;

b) Vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành, đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước và yêu cầu đơn vị cấp nước ngừng cung cấp nước sạch; đồng thời, hộ thoát nước bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ thoát nước và cung cấp nước sạch được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Chương VI PHÍ THOÁT NƯỚC

Điều 48. Đối tượng thu phí thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước có nghĩa vụ trả phí thoát nước theo quy định của Nghị định này.

2. Tất cả các hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP.

Điều 49. Nguyên tắc xác định phí thoát nước

1. Phương án phí thoát nước được xác định trên nguyên tắc hướng tới thu hồi chi phí để duy trì dịch vụ thoát nước bao gồm cả nước mưa và nước thải.

2. Phí thoát nước được quyết định phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; phù hợp với mức đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, có lộ trình tăng dần và hướng tới mục tiêu đủ chi trả cho chi phí quản lý, vận hành và đóng góp một phần chi phí đầu tư xây dựng công trình thoát nước.

3. Ngân sách địa phương phải bảo đảm bù đủ chi phí quản lý, vận hành, duy trì dịch vụ thoát nước trên địa bàn trong trường hợp nguồn thu từ phí thoát nước được quyết định thấp hơn chi phí thực tế.

Điều 50. Phương pháp xác định mức thu phí thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt, mức thu phí thoát nước được tính theo khối lượng nước thải.

2. Đối với các loại nước thải khác, mức thu phí thoát nước được tính theo khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải.

Điều 51. Xác định khối lượng nước thải thu phí

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải tính thu phí được lấy bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải tính thu phí được lấy bằng $4\text{m}^3/\text{người/tháng}$.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải tính thu phí được lấy bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước. Đơn vị thoát nước hoặc hộ thoát nước có thể lắp đặt đồng hồ để xác định chính xác lượng nước thải xả vào hệ thống thoát nước;

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải tính thu phí được xác định thông qua đồng hồ. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác.

Điều 52. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm thu phí

1. Hàm lượng chất gây ô nhiễm thu phí đối với nước thải khác (không phải sinh hoạt) được xác định theo chỉ tiêu COD (mg/l).

2. Hàm lượng COD được xác định theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm hợp chuẩn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định này.

Điều 53. Xác định mức thu phí thoát nước

Mức thu phí thoát nước đối với các hộ thoát nước được xác định theo công thức sau:

$$F = f \times V \times K$$

Trong đó:

f là phí thoát nước được xác định theo tỷ lệ % và không thấp hơn 10% giá tiêu thụ nước sạch áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước khác nhau.

V là khối lượng nước thải thu phí được xác định theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.

K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm xác định theo quy định tại Điều 52 Nghị định này; đối với nước thải sinh hoạt, lấy hệ số $K = 1$.

Hệ số K được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	≤ 100	1
2	101 - 200	1,5
3	201 - 300	2
4	301 - 400	2,5
5	401 - 600	3,5
6	> 600	4,5

Điều 54. Căn cứ lập phương án phí thoát nước

1. Nguyên tắc, phương pháp xác định phí thoát nước.
2. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực và thu nhập của người dân trong từng thời kỳ.
3. Các chi phí quản lý, vận hành và lợi nhuận hợp lý của đơn vị thoát nước.

Điều 55. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, quyết định phí thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập và trình phương án phí thoát nước.
2. Sở Xây dựng các tỉnh và Sở Giao thông công chính các thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án phí thoát nước.
3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phí thoát nước cho từng đô thị trên địa bàn quản lý sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.
4. Phí thoát nước trong khu công nghiệp do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp tự quyết định và thỏa thuận với các chủ công trình trong khu công nghiệp.

Điều 56. Điều chỉnh phí thoát nước

1. Phí thoát nước được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:
 - a) Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải, chất lượng dịch vụ;
 - b) Thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước;

c) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực và thu nhập của người dân có thay đổi.

2. Quy trình, thủ tục, thẩm quyền điều chỉnh phí thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định này.

Điều 57. Phương thức thu, thanh toán phí thoát nước

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cấp nước có trách nhiệm tổ chức thu phí thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và được hưởng chi phí dịch vụ thu phí.

2. Định kỳ hàng tháng, đơn vị thoát nước phải cung cấp thông tin về chất lượng nước thải (không phải nước thải sinh hoạt) của các hộ thoát nước để làm cơ sở xác định phí thoát nước đến tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn. Thời điểm cung cấp thông tin do hai bên thỏa thuận.

3. Đơn vị thoát nước trực tiếp thu phí thoát nước đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

Điều 58. Quản lý và sử dụng phí thoát nước

Phí thoát nước thu được do chủ sở hữu công trình thoát nước quản lý và được sử dụng cho các mục đích:

1. Chi trả cho hợp đồng quản lý, vận hành.
2. Chi trả cho dịch vụ thu phí thoát nước.
3. Đầu tư để duy trì và phát triển thoát nước.

Chương VII QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh theo các quy định, được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Hợp đồng đã ký kết;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước;

c) Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch thoát nước trên địa bàn;

d) Được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu công trình thoát nước theo Hợp đồng đã ký kết;

b) Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống thoát nước;

- c) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước;
- d) Lập và trình phương án phí thoát nước để các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
- đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu phí thoát nước theo quy định;
- e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- g) Cung cấp thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu;
- h) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định;
- i) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định;
- k) Báo cáo định kỳ theo quy định tới chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước ở địa phương và Trung ương;
- l) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng theo quy định của pháp luật;
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Người sử dụng dịch vụ thoát nước có các quyền sau đây:
 - a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;
 - b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;
 - c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;
 - d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật;
 - đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Người sử dụng dịch vụ có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thanh toán phí thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;
 - b) Xả nước thải vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
 - c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;
 - d) Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối;
 - đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;
 - e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 61. Thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra chuyên ngành xây dựng thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

2. Thanh tra chuyên ngành môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường trong hoạt động thoát nước.

3. Nội dung: thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thoát nước; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về thoát nước; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thoát nước và bảo vệ môi trường.

4. Việc thanh tra hoạt động thoát nước thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 62. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Trong thời gian khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện, tổ chức, cá nhân vẫn phải thi hành quyết định hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về thoát nước. Khi có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động thoát nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thì thi hành theo các quyết định, bản án đó.

Điều 63. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động thoát nước được quy định tại Điều 11 Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 65. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng